

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ THỂ THAO QUẦN CHÚNG Ở THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

NGUYỄN ĐỨC CHÍNH
VŨ ĐỨC VINH
TRẦN VĂN NHẬT
Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

Nhận bài ngày 05/4/2026. Sửa chữa xong 10/6/2026. Duyệt đăng 25/6/2026.

Abstract

The mass sports movement continues to be stable and develop extensively, gradually improving the quality of organization and attracting a large number of participants from all levels, sectors, and the general public, but it has not yet become a voluntary and conscious habit for each individual. The research group analyzes the institutional management and organization of mass sports services, the resources of mass sports services, and physical education in universities, colleges, and vocational high schools

Keywords: Analysis, current state of development, mass sports, Hai Phong city.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm vừa qua, phong trào thể dục thể thao (TDTT) tại thành phố Hải Phòng đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ, tiếp tục khẳng định vị thế của địa phương đứng trong tốp đầu của TDTT ở nước ta. Theo đánh giá của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thành phố, công tác TDTT quần chúng của thành phố đã đạt được nhiều thành tích quan trọng: Phong trào TDTT quần chúng của thành phố tiếp tục ổn định, phát triển sâu rộng, từng bước nâng cao chất lượng tổ chức, thu hút được đông đảo các cấp, các ngành và quần chúng nhân dân tham gia, tiêu biểu như phong trào TDTT quần chúng tại các Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao của quận Hồng Bàng, quận Hải An, huyện Thủy Nguyên, huyện Vĩnh Bảo; Cán bộ thể thao cơ sở tích cực tham mưu tổ chức ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân; Huấn luyện viên phong trào tham gia tích cực hướng dẫn vào các lớp dạy bơi, cầu lông, bóng đá, taekwondo cho thanh thiếu nhi trong dịp hè; Vận động viên phong trào tích cực tham gia các giải thể thao cấp quận, huyện, thành phố đạt thành tích cao góp phần lan tỏa phong trào rèn luyện thân thể trong cộng đồng; Chủ nhiệm câu lạc bộ thể thao luôn duy trì hiệu quả và thu hút đông đảo người dân tham gia tập luyện thường xuyên. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện xã hội hóa TDTT của thành phố Hải Phòng vẫn còn nhiều khó khăn như: TDTT quần chúng chưa thực sự đến tận cơ sở và trở thành thói quen tự nguyện, tự giác của mỗi người; công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện chủ trương xã hội hóa TDTT ở một số đơn vị cơ sở còn lúng túng; cơ chế chính sách chưa đồng bộ, thiếu và chậm hướng dẫn cụ thể, đội ngũ cán bộ còn thiếu và yếu, chất lượng và hiệu quả hoạt động chưa cao. Do vậy chưa tương xứng với tiềm năng và chưa huy động được các nguồn lực để phát triển rộng rãi phong trào ở cơ sở. Nhằm mục đích tìm hiểu đánh giá thực trạng công tác thể thao quần chúng, phân tích các nhân tố ảnh hưởng, từ đó làm cơ sở nghiên cứu đề xuất giải pháp giúp nâng cao chất lượng phong trào thể thao trong quần chúng nhân dân cũng như trong lực lượng học sinh, sinh viên trên địa bàn thành phố Hải Phòng, góp phần nâng cao phong trào TDTT quần chúng của thành phố trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài: “Đánh giá tình hình phát triển dịch vụ thể thao quần chúng ở thành phố Hải Phòng” là cần thiết.

Email: pthnhung@ictu.edu.vn

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm thể thao quần chúng

Dưới góc độ xã hội học, thể thao được hiểu là một hiện tượng xã hội đặc biệt (Dương Nghiệp Chí, Lương Kim Chung, 2001). TDTT quần chúng là hoạt động tập luyện và thi đấu của nhân dân với mục đích rèn luyện thể lực, tăng cường sức khỏe, phục vụ trực tiếp công tác, học tập, lao động sản xuất, sẵn sàng chiến đấu và chữa bệnh, nghỉ ngơi, giải trí của các đối tượng từ mầm non đến người cao tuổi. Đối tượng của TDTT quần chúng là tất cả mọi người. Khác với thể thao thành tích cao là lĩnh vực riêng cho một số người có tài năng đặc biệt, TDTT quần chúng là hình ảnh một nền TDTT của một quốc gia, là một hoạt động rộng rãi, thu hút đông đảo quần chúng tham gia tập luyện. Sản phẩm của nó là một trong các chỉ tiêu về dân trí, hạnh phúc của người dân và sự phồn vinh của xã hội (Bộ Chính trị, 2005; Bộ Tài chính - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2011). Khác với thể thao thành tích cao là lĩnh vực dành riêng cho một số người có tài năng đặc biệt, TDTT quần chúng là hình ảnh TDTT ở mỗi quốc gia, là một hoạt động rộng rãi, thu hút đông đảo quần chúng tham gia tập luyện. Sản phẩm của nó là một trong các chỉ tiêu về dân trí, hạnh phúc của người dân và sự phồn vinh của xã hội. Trên thế giới và ở Việt Nam có xuất hiện khái niệm thể thao cho mọi người (Sport for all). Xét về nội hàm của khái niệm này thì có thể nói nó thực chất là khái niệm TDTT quần chúng.

2.2. Thể chế quản lý, tổ chức dịch vụ thể thao quần chúng

Thể chế quản lý thể thao là tên gọi chung của hệ thống và chế độ trên các phương diện thiết lập kết cấu quản lý, phân chia quyền hạn, cơ chế vận hành... của quản lý thể thao. Hiện nay, dựa trên quyền lợi và lợi ích về thể thao của các quốc gia trên thế giới, thể chế quản lý thể thao có thể được chia thành cấp chính phủ, xã hội và cấp trung gian giữa chính phủ với xã hội.

Về tình hình lãnh đạo, chỉ đạo về công tác TDTT quần chúng ở cơ sở, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 232 xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Thời gian khảo sát vào tháng 3 năm 2025. Kết quả thu được trình bày ở bảng 1 (Nguyễn Đức Văn, 2001).

Bảng 1: Thực trạng sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền đối với công tác TDTT cơ sở (n = 232)

Nội dung chỉ đạo	Kết quả	
	n	Tỷ lệ %
1. Phụ trách trực tiếp công tác TDTT ở xã, phường		
- Chủ tịch	84	36.2
- Phó Chủ tịch văn xã	175	75.4
2. Hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, họp bàn, hướng dẫn		
- Về họp bàn kiện toàn tổ chức TDTT xã, phường	201	86.6
- Hợp bàn đầu tư phương tiện tập luyện cho TDTT	147	63.3
- Hợp bàn dành quỹ đất cho hoạt động TDTT	119	51.2
- Hợp bàn đầu tư kinh phí cho hoạt động TDTT	205	88.3
- Hợp bàn đầu tư kinh phí để tổ chức đại hội TDTT	232	100
3. Quan tâm tới giáo dục thể chất cho học sinh		
- Hợp bàn	232	100
- Chỉ đạo, hướng dẫn các chi bộ	232	100
4. Đảng viên trực tiếp theo dõi công tác TDTT	166	71.5
5. Sinh hoạt với chuyên đề về công tác TDTT	158	68.1

Thông qua số liệu tổng hợp ở bảng 1 cho thấy, hầu hết, cấp ủy Đảng, chính quyền trên địa bàn thành phố Hải Phòng đều phân công đồng chí Phó Chủ tịch văn xã (75.4%) phụ trách trực tiếp chỉ đạo công tác TDTT ở xã, phường, thị trấn cụ thể: Về họp bàn kiện toàn tổ chức TDTT xã, phường, thị trấn, thôn, làng (86.6%); chỉ đạo, hướng dẫn các chi bộ (100%); họp bàn đầu tư phương tiện tập luyện cho TDTT (63.3%); họp bàn dành quỹ đất cho hoạt động TDTT (51.2%); họp bàn đầu tư kinh phí cho hoạt động TDTT (88.3%). Về chỉ đạo, hướng dẫn các chi bộ (100%); họp bàn đầu tư kinh phí để tổ chức đại hội TDTT (100%), họp bàn chỉ đạo; quan tâm tới hoạt động nội khóa và ngoại khóa về GDTT cho học sinh thuộc địa bàn quản lý (100%); các chi bộ có phân công Đảng viên trực tiếp theo dõi công tác

TDDT ở địa bàn mình là 71.5%; các chi bộ đã sinh hoạt với chuyên đề về công tác TDDT 68.1%. Bên cạnh những tiến bộ, kết quả đạt được trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác TDDT của các cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở, thực tiễn cũng chỉ ra một số yếu, kém: Một số cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở còn chưa nhận thức đúng về vị trí, vai trò của TDDT đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, do đó còn coi nhẹ và chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác TDDT. Công tác kiểm tra, giám sát đánh giá của các cấp ủy đảng về kết quả triển khai thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng đối với công tác TDDT chưa được tiến hành thường xuyên, còn thụ động, phụ thuộc vào cấp trên; tổ chức bộ máy cán bộ làm công tác khoa giáo ở xã, phường, thị trấn còn chưa được kiện toàn. Do vậy, sự phát triển TDDT còn chưa đáp ứng được yêu cầu bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước nói chung và nông nghiệp nông thôn nói riêng. Cơ sở xã là địa bàn và lĩnh vực sinh sống của đa số dân cư và người nghèo, trong khi khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa thành thị và nông thôn có nguy cơ gia tăng do chênh lệch cao về mức độ tăng trưởng kinh tế giữa các địa bàn. Hơn nữa nông dân rất dễ gặp những rủi ro phát sinh do thiên tai và biến động bất thường của thị trường nông sản trong nước. Thực tế này là khó khăn, thách thức to lớn đối với quá trình bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực cho đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế với sự cạnh tranh gay gắt. Với tư cách là một bộ phận thuộc chính sách xã hội góp phần bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực cho tương lai, TDDT nông thôn cũng phải đổi mới và vượt qua những khó khăn, thách thức nói trên (Du Kế Anh, 2000).

2.3. Nguồn vật lực của dịch vụ thể thao quần chúng

Nguồn lực vật chất là điều kiện cơ bản cho sự phát triển nhanh chóng của thể thao quần chúng. Thành phố Hải Phòng là một thành phố công nghiệp có nguồn tài nguyên du lịch phong phú và hỗ trợ mạnh mẽ cho nền kinh tế của Thành phố. Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế của thành phố Hải Phòng rất nhanh đã và đang khẳng định tầm quan trọng và tính chất chiến lược của việc phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng và toàn vẹn lãnh thổ. Kết quả khảo sát về quỹ đất và các công trình thể thao cơ bản cấp quận, huyện của Thành phố được trình bày ở bảng 2 (Nguyễn Đức Văn, 2001). Thời gian khảo sát vào tháng 3 năm 2025.

Bảng 2: Quỹ đất và các công trình thể thao cơ bản cấp quận huyện, thành phố Hải Phòng năm 2025

TT	Đơn vị	Các công trình TDDT								
		Sân vận động	Nhà thi đấu	Bể bơi	Sân quần vợt	Sân bóng chuyền	Sân điền kinh	Sân bóng rổ	Sân bóng đá	Nhà tập
1	Quận Ngô Quyền	1	1	2	9	27	4	2	5	7
2	Quận Hồng Bàng	0	1	3	11	25	6	1	9	12
3	Quận Lê Chân	1	1	2	8	25	5	1	6	6
4	Quận Kiến An	1	0	3	6	32	3	1	15	8
5	Quận Hải An	1	0	2	8	23	2	1	15	10
6	Quận Dương Kinh	0	0	2	10	28	2	2	13	8
7	Quận Đồ Sơn	1	0	3	9	29	5		11	8
8	Huyện Thủy Nguyên	1	1	3	6	41	3	2	27	9
9	Huyện An Lão	1	0	2	4	29	4	1	12	6
10	Huyện An Dương	1	1	1	7	35	5	1	31	11
11	Huyện Kiến Thụy	1	0	2	5	33	2		15	7
12	Huyện Tiên Lãng	1	1	2	5	47	4	2	25	5
13	Huyện Vĩnh Bảo	1	1	1	3	34	2	1	17	10
14	Huyện Cát Hải	1	0	1	2	31	1	1	16	6
15	Huyện Bạch Long Vỹ	0	0	0	2	12	1	0	7	2
	Tổng	12	7	29	95	451	49	16	232	115

Qua bảng 2 cho thấy, cơ sở vật chất trên địa bàn Thành phố là tương đối ít, bao gồm: 7 nhà thi đấu, 29 bể bơi, 95 sân quần vợt, 232 sân bóng đá, 451 sân bóng chuyền, 49 sân điền kinh, 16 sân bóng rổ, 12 sân vận động, 118 nhà tập luyện phục vụ nhu cầu tập luyện TDDT cho nhân dân.

2.4. Nguồn nhân lực cán bộ quản lý thể thao

Các cán bộ quản lý thể thao quần chúng chủ yếu tham gia vào việc quản lý công việc hàng ngày của thể thao quần chúng. Họ có quản lý nhân sự, quản lý tương ứng từ tất cả các cấp độ phát triển của thể thao quần chúng. Phát huy giá trị của các hoạt động thể thao, lập kế hoạch toàn diện các cơ sở thể thao để phát triển thể thao quần chúng ở thành thị và nông thôn, tổ chức và thực hiện các hoạt động thể thao quần chúng. Cán bộ quản lý thể thao quần chúng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của thể thao quần chúng. Khảo sát nguồn nhân lực cán bộ quản lý thể thao được trình bày tại bảng 3 (Nguyễn Đức Văn, 2001).

Bảng 3: Thống kê nguồn nhân lực trong lĩnh vực thể thao quần chúng trên địa bàn thành phố Hải Phòng

TT	Tiêu chí phân loại	Số người	Tỷ lệ %
I	Nguồn nhân lực cấp Thành phố		
1.1	Tổng số cán bộ	459	100
1.2	Cán bộ dưới 36 tuổi		47.9
1.3	Cán bộ từ 36-45 tuổi		21.1
1.4	Cán bộ nữ từ 46-55 tuổi		10.8
1.5	Cán bộ nam từ 46-60 tuổi		20.2
1.6	Cán bộ nữ		50.7
1.7	Cán bộ có trình độ sau đại học		4.0
1.8	Cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng		71.6
1.9	Cán bộ có trình độ trung cấp		19.4
1.10	Cán bộ có trình độ sơ cấp		5.0
II	Nguồn nhân lực cấp Quận, Huyện		
1.1	Tổng số cán bộ	846	100
1.2	Cán bộ dưới 36 tuổi		35.5
1.3	Cán bộ từ 36-45 tuổi		22.3
1.4	Cán bộ nữ từ 46-55 tuổi		19.1
1.5	Cán bộ nam từ 46-60 tuổi		23.2
1.6	Cán bộ nữ		32.7
1.7	Cán bộ có trình độ sau đại học		1.6
1.8	Cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng		69.5
1.9	Cán bộ có trình độ trung cấp		25.4
1.10	Cán bộ có trình độ sơ cấp		3.5
III	Nguồn nhân lực cấp xã, phường, thị trấn		
1.1	Tổng số cán bộ	223	100
1.2	Cán bộ dưới 36 tuổi		38.1
1.3	Cán bộ từ 36-45 tuổi		28.7
1.4	Cán bộ nữ từ 46-55 tuổi		10.8
1.5	Cán bộ nam từ 46-60 tuổi		22.4
1.6	Cán bộ nữ		30.5
1.7	Cán bộ có trình độ sau đại học		0
1.8	Cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng		40.0
1.9	Cán bộ có trình độ trung cấp		44.8
1.10	Cán bộ có trình độ sơ cấp		5.2
Tổng cộng		1528	

Qua bảng 3 cho thấy, hiện trạng của các cán bộ thể thao và công tác tổ chức của thành phố Hải Phòng đã được cải thiện hơn trong vài năm qua: nhận thức và ý thức trách nhiệm của cơ quan quản lý đã được nâng cao, thúc đẩy và thực hiện kịp thời các chính sách do chính phủ khuyến nghị, công tác hướng dẫn của chính phủ. Tuy nhiên vẫn còn nhiều thiếu sót trong công tác cán bộ như nhận thức chưa đầy đủ của cán bộ quản lý, số lượng cán bộ quản lý cấp cao còn ít, thiếu huấn luyện viên và huấn luyện viên cao cấp.

2.5. Tình hình tham gia hoạt động thể thao quần chúng của cư dân thành thị

Theo số liệu báo cáo năm 2025 tính từ 01/01/2023 đến 30/06/2025 của Sở Văn hóa Thể thao Hải Phòng cho thấy phong trào TDTT toàn thành phố có sự phát triển và tương đối ổn định các chỉ số đánh giá đã chỉ ra cho thấy vấn đề đó, nội dung cụ thể được trình bày tại bảng 4 (Nguyễn Đức Văn, 2001).

Bảng 4: Thực trạng phát triển TDTT quần chúng của thành phố Hải Phòng năm 2025

TT	Tiêu chí	Đơn vị tính	Chỉ tiêu đạt được 2023	Chỉ tiêu đạt được 2024	Chỉ tiêu đạt được 2025	Chỉ tiêu 2030
1	Tỷ lệ dân số luyện tập TDTT thường xuyên %	%	29.2	30.5	31.5	35
2	Tỷ lệ gia đình thể thao %	%	12.0	16	17.1	20-25
3	Tỷ lệ trường phổ thông bảo đảm chương trình giáo dục thể chất nội khóa %	%	100	100	100	100
4	Tỷ lệ trường phổ thông bảo đảm hoạt động TDTT ngoại khóa	%	82.0	83.1	84.8	90
5	Tổng số câu lạc bộ TDTT	CLB	2.036	2215	2.341	2660
6	Tổng số giải TDTT cấp xã	giải	982	995	1015	
7	Tổng giải TDTT cấp quận, huyện	giải	221	212	246	
8	Tổng số cán bộ đi tập huấn do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức	người	10	32	41	
9	Tỷ lệ cán bộ, hướng dẫn viên, cộng tác viên TDTT cấp xã, phường, thị trấn được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ TDTT	người	95	145	179	

Qua bảng 4 chúng ta nhận thấy, toàn Thành phố có 2.341 CLB TDTT; Số người tập TDTT thường xuyên 606.181 người đạt tỷ lệ 31.1% (Nữ 85.124 người đạt 13.6%); Số gia đình tập luyện TDTT thường xuyên là 86.042 đạt 17.1%; Toàn thành phố hiện có: 15 hội và liên đoàn thể thao cấp thành phố, khoảng 100 chi hội cơ sở; 2.341 CLB TDTT quần chúng; trong đó, có 4 đơn vị công lập, 1.651 đơn vị ngoài công lập, 408 cơ sở, tụ điểm TDTT ở quận huyện. Tỷ lệ % số người luyện tập TDTT thường xuyên cao hơn so với tỷ lệ chung của cả nước (toàn vùng đạt 31.5%; toàn quốc đạt 19,20%); về tỷ lệ % số gia đình thể thao về cơ bản tại thành phố Hải Phòng thấp hơn so với tỷ lệ trung bình của cả nước (toàn thành phố đạt 17.1%; toàn quốc đạt 23.5%). Để nhìn nhận một cách tổng thể, khách quan về công tác TDTT quần chúng của thành phố Hải Phòng trong giai đoạn 2020-2025, chúng tôi tổng hợp các chỉ tiêu cơ bản về các tiêu chí đánh giá về phong trào TDTT và được trình bày cụ thể tại bảng 5 (Nguyễn Đức Văn, 2001).

Bảng 5: Chỉ số phát triển TDTT quần chúng của thành phố Hải Phòng giai đoạn từ năm 2020-2025

TT	Nội dung	ĐVT	Năm				
			2020	2021	2023	2024	2025
1	Dân số tham gia hoạt động TDTT	%	46	47	47.5	48	48.5
	Dân số tập luyện TDTT thường xuyên	%	28.2	29.2	29.5	30.8	31.5
2	Số gia đình thể thao	%	12	12.0	13.8	15.5	17.1
3	Câu lạc bộ TDTT	CLB	2020	2036	2106	2267	2341
4	Tổ chức và phối hợp tổ chức giải thi đấu TDTT (chỉ tiêu/thực hiện)	Giải	39/46	35/40	41/48	47/52	48/53
5	Số trường dạy nội khóa đúng quy định	%	100	100	100	100	100
	Số trường tổ chức hoạt động ngoại khóa chất lượng tốt	%	82	82	83	83	84.8

Qua bảng 5 chúng ta thấy, TDTT quần chúng của thành phố Hải Phòng phát triển mạnh nhưng chưa đều, chất lượng chưa cao, đặc biệt ở các thôn, làng, xã, trung tâm xã còn thiếu các phương tiện tập luyện và cán bộ hướng dẫn. Công tác GDTC trong nhà trường và các hoạt động tập luyện thể thao ngoại khóa của học sinh, sinh viên còn yếu. Xã hội hóa TDTT ở khu vực các xã biển đảo gặp nhiều khó khăn về đầu tư kinh phí cho hoạt động TDTT quần chúng.

Xem tiếp trang 411